

Số: 05/KL-TTr

Huyện Dương Minh Châu, ngày 17 tháng 10 năm 2024

### KẾT LUẬN THANH TRA

Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kết luận thanh tra số 04/KL-TTr ngày 25/9/2024 của Chánh thanh tra huyện về việc quản lý, sử dụng ngân sách huyện cấp và kinh phí ngoài ngân sách đối với Trường THCS Phước Ninh, giai đoạn 2021-2023

Ngày 25/9/2024, Chánh thanh tra huyện ban hành Kết luận thanh tra số 04/KL-TTr về việc quản lý, sử dụng ngân sách cấp và kinh phí ngoài ngân sách đối với Trường THCS Phước Ninh giai đoạn 2021-2023.

Xét Báo cáo số 04/BC-ĐTTr ngày 14/10/2024 của Trường Đoàn thanh tra và Biên bản làm việc với tổ chức, cá nhân có liên quan ngày 27/9/2024.

Chánh thanh tra huyện ban hành Kết luận điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kết luận thanh tra số 04/KL-TTr ngày 25/9/2024, như sau:

#### PHẦN B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

##### I. VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

##### 2. Công tác thực hiện dự toán thu, chi ngân sách

(1) Chi phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo cho Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng không trực tiếp giảng dạy đủ số tiết (Hiệu trưởng 02 tiết/tuần và Phó hiệu trưởng 04 tiết/tuần) với tổng số tiền 133.618.740đ<sup>1</sup> (kèm theo chi tiết phụ lục 01).

#### PHẦN C. KẾT LUẬN

##### II. Những hạn chế, thiếu sót, vi phạm

##### 2. Đối với kinh phí ngân sách nhà nước cấp

Trong thời kỳ thanh tra, đơn vị đề xảy ra vi phạm với tổng số tiền 426.128.366đ/13.554.185.700đ, chiếm tỷ lệ 3,14% (kèm theo chi tiết phụ lục 02).  
Trong đó:

- Kiến nghị thu hồi với tổng số tiền 265.077.602đ. Lý do: thanh toán không đúng theo Luật Lao động 2019; Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính<sup>2</sup>; Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo<sup>3</sup>; Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính<sup>4</sup>; Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh<sup>5</sup>; ....

- Kiến nghị loại khỏi quyết toán năm 2023 với tổng số tiền 70.515.765đ.

- Kiến nghị xử lý khác với tổng số tiền 90.534.999đ.

Các thiếu sót, vi phạm nêu trên tùy tính chất, mức độ, trách nhiệm của từng cá

<sup>1</sup> Năm 2021: 43.345.590đ; Năm 2022: 47.158.500đ; Năm 2023: 43.114.650đ.

<sup>2</sup> Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTĐ ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập.

<sup>3</sup> Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.

<sup>4</sup> Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

<sup>5</sup> Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh quy định về mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

nhân vi phạm cần xem xét, xử lý trách nhiệm nhằm chấn chỉnh, không để sai phạm lặp lại trong thời gian tới.

*Chịu trách nhiệm chính thuộc về Hiệu trưởng và kế toán đơn vị giai đoạn 2021-2023.*

*Riêng đối với nội dung sai phạm thanh toán thừa tiết dạy (thừa giờ) có liên quan đến việc xét duyệt số tiết dạy của giáo viên trách nhiệm thuộc về Phó hiệu trưởng giai đoạn 2021-2023.*

### **PHẦN E. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

Từ những kết luận trên, Chánh thanh tra huyện kiến nghị Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo các đơn vị thực hiện những nội dung như sau:

#### **2. Đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện (TC-KH)**

Thực hiện loại khỏi quyết toán số tiền 70.515.765đ khi thực hiện xét duyệt quyết toán năm 2023 của đơn vị (*kèm theo chi tiết phụ lục 02*).

Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện hướng dẫn các đơn vị thực hiện sử dụng, quản lý ngân sách và kinh phí ngoài ngân sách đúng theo quy định.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát đôn đốc thực hiện các kiến nghị Thông báo thẩm định, xét duyệt quyết toán. Kịp thời đề xuất, kiến nghị xử lý nghiêm đối với các đơn vị không khắc phục những vi phạm, sai sót, tồn tại có tính chất lặp lại nhiều lần được chỉ ra tại thông báo thẩm định quyết toán.

#### **\* Bổ sung nội dung tại tiểu mục 5.1, mục 5**

Thực hiện cung cấp toàn bộ hồ sơ liên quan đến hành vi vi phạm đối với ông Nguyễn Hữu Phước - nguyên Kế toán trưởng THCS Phước Ninh từ tháng 01/2021 đến tháng 9/2022 đến đơn vị ông Nguyễn Hữu Phước đang công tác để thực hiện kiểm điểm, xử lý trách nhiệm theo quy định.

\* Điều chỉnh bỏ nội dung tại trang 2, tiểu mục (1), Mục 2, I phần B; trang 7, mục 2, II phần C và trang 9, mục 2 phần E của Kết luận thanh tra.

\* Điều chỉnh bỏ "phụ lục 01" và "phụ lục 06" của Kết luận thanh tra.

Các nội dung còn lại của Kết luận thanh tra số 04/KL-TTr ngày 25/9/2024 của Chánh thanh tra huyện vẫn giữ nguyên./.

#### **Nơi nhận:**

- Thanh tra tỉnh;
- Chủ tịch UBND huyện;
- Ủy ban kiểm tra Huyện ủy;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;
- Trường THCS Phước Ninh;
- Đoàn thanh tra;
- Lưu: VT TTr, HS ĐTTr.

**CHÁNH THANH TRA**



**Vương Thị Trường**



**Phụ lục 01. Thành toán phụ cấp ưu đãi với nhà giáo không đúng quy định, giai đoạn 2021-2023**  
**(kèm theo Kết luận thanh tra số 05/KL-TTr ngày 17/10/2024 của Chánh thanh tra huyện)**

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Định mức tiết dạy/ tuần	Số tiết thực dạy/số tiết năm	Trường THCS Phước Ninh thành toán phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo			Thành toán đúng quy định (không trực tiếp giảng dạy đủ số giờ theo quy định và trong thời gian nghỉ ốm đau, thai sản)			Ghi chú	
					Số tháng	Số tiền thanh toán/tháng	Tổng cộng số tiền	Số tháng	Số tiền thanh toán không đủ điều kiện/tháng	Tổng cộng số tiền		
<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>												
A	NĂM 2021 (Đã xét duyệt quyết toán)							174.053.880			133.618.740	
1	Lê Văn Trẻ	Hiệu trưởng	02 tiết	39/96	12	2.382.510	28.590.120	2.382.510	9	2.382.510	21.442.590	Đã giảm trừ tháng 1,3,5/2021 dạy đủ số tiết theo quy định
2	Trần Thị Tuyết Mai	Phó hiệu trưởng	04 tiết	74/192	12	2.190.300	26.283.600	2.190.300	10	2.190.300	21.903.000	Đã giảm trừ tháng 3-4/2021 dạy đủ số tiết theo quy định
B	NĂM 2022 (Đã xét duyệt quyết toán)						56.643.840				47.158.500	
1	Lê Văn Trẻ	Hiệu trưởng	02 tiết	56/96	12	2.382.510	28.590.120	2.382.510	9	2.382.510	21.442.590	Đã giảm trừ tháng 5,9,10/2022 dạy đủ số tiết theo quy định
2	Trần Thị Tuyết Mai	Phó hiệu trưởng	04 tiết	88/192	12	2.337.810	28.053.720	2.337.810	11	2.337.810	25.715.910	Đã giảm trừ tháng 11/2022 dạy đủ số tiết theo quy định
C	NĂM 2023 (Chưa xét duyệt quyết toán)						62.536.320				43.114.650	
1	Lê Văn Trẻ	Hiệu trưởng	02 tiết	50/96	6	2.382.510	14.295.060	2.382.510	2	2.382.510	4.765.020	Đã giảm trừ tháng 2,3,4,5,12/2023 dạy đủ số tiết theo quy định
2	Trần Thị Tuyết Mai	Phó hiệu trưởng	04 tiết	107/192	6	2.337.810	14.026.860	2.337.810	3	2.337.810	7.013.430	Đã giảm trừ tháng 2,4,5/2023 dạy đủ số tiết theo quy định
					6	2.824.200	16.945.200	2.824.200	6	2.824.200	16.945.200	

Người lập biểu

Dương Thành Duy


Phụ lục 02. Tổng hợp vi phạm và xử lý vi phạm về kinh tế  
(kèm theo Kết luận thanh tra số 5/KL-TT ngày 17/10/2024 của Chánh thanh tra huyện)

STT	Cơ quan/tổ chức/Đơn vị cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Tổng giá trị		Kiến nghị xử lý						Ghi chú		
			Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (đồng)	Đất (m <sup>2</sup> )	Kiến nghị thu hồi		Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)		Xuất toán			Xử lý khác (chấn chỉnh trong công tác)	
					Tiền (đồng)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (đồng)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (đồng)	Tiền (đồng)		Tiền (đồng)	Đất (m <sup>2</sup> )
(01)			(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)		
<b>TỔNG CỘNG</b>													
<b>I KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>													
1		Chi phụ cấp ưu đãi nhà giáo cho Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng khi chưa giảng dạy đủ số tiết theo quy định tại Điểm c khoản 1 Mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; khoản 2, điều 7 Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.	586.149.103	0	265.077.602	0	54.553.812	0	70.515.765	196.001.924			
2		Chi lương, phụ cấp cho bà Lê Kim Thuận, nhân viên y tế tháng 10/2021 trong thời gian nghỉ thai sản (đã được hưởng chế độ thai sản)	426.128.366	0	265.077.602	0		0	70.515.765	90.534.999			
3		Chi công tác phí chưa đúng quy định tại Điều 4, Điều 6 Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh quy định về mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	133.618.740		90.504.090	0	0	0	43.114.650	0			Kèm theo chi tiết phụ lục 01
4		Chi mua vật tư cho cơ sở không đăng ký ngành nghề kinh doanh theo Giấy phép kinh doanh số 45D8014378 ngày 19/03/2018 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	5.386.276		5.386.276		0	0	0	0			
5		Chi thừa tiền dạy thêm giờ theo quy định khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập	4.980.000		4.680.000		0	0	300.000	0			
6		Chi vượt định mức dạy thêm giờ theo định nghĩa tại khoản 2, Điều 107 Luật lao động năm 2019; khoản 8 Điều 3 Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.	18.375.000		7.400.000		0	0	0	10.975.000			Lý do không thu hồi vì thực tế đơn vị có mua vật tư để phục vụ công tác chuyên môn
7		Chi thừa tiền dạy thêm giờ ngoài trời khi không giảng dạy đủ số tiết là chưa đúng quy định tại Điều 3 Quyết định 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên dạy thể dục, thể thao.	52.941.772		27.940.657		0	0	25.001.115	0			Kèm theo chi tiết phụ lục 02
8		Chi tiền Photocopy tài liệu không đúng thực tế	1.188.984		1.188.984		0	0	0	0			
9		Thanh toán, sử dụng hoá đơn điện tử không hợp lệ	581.100		581.100		0	0	0	0			
			2.816.000		2.816.000		0	0	0	0			Kèm theo
			109.245.950		109.245.950		0	0	0	0			chi tiết phụ lục 03

STT	Cơ quan/ tổ chức/ Đơn vị/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Tổng giá trị	Kiến nghị xử lý						Chi chú		
				Trên hoặc tài sản quy thành tiền (đồng)	Đất (m <sup>2</sup> )	Về ngân sách nhà nước	Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)	Xuất toán	Xử lý khác (chẩn chỉnh) (trung công tác)			
					Kiến nghị thu hồi							
					Trên (đồng)	Nhà, đất (m <sup>2</sup> )	Trên (đồng)	Đất (m <sup>2</sup> )	Trên (đồng)	Đất (m <sup>2</sup> )		
10		Chi tiền mua sắm tài sản cho cơ sở cung cấp không đăng ký ngành nghề kinh doanh theo Giấy phép kinh doanh số 451D8014378 ngày 19/03/2018 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện; 03 bảng bảo giá không đảm bảo (cùng hệ thống điện máy xanh) theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 26/3/2016 của Bộ Tài Chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động hương xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp	57.199.999		0	0	0	0	0	57.199.999		Lý do không thu hồi vì thực tế đơn vị có mua lại sản để phục vụ công tác chuyên môn
11	Người học phí		29.214.697	0	4.754.697	0	0	0	2.100.000	22.360.000		
11.1		Chi trả tiền quản lý thu học phí cho Học trường, kế toán, thủ quỹ không quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ là không đúng theo khoản 2, Điều 11 Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung về cơ chế tự chi tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức kết giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	6.854.697		4.754.697	0	0	0	2.100.000	0		Lý do không thu hồi vì thực tế đơn vị có mua VPP, vật tư... để phục vụ công tác chuyên môn
11.2		Chi mua văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, in ấn, sửa chữa cơ sở vật chất, thay thế linh kiện máy tính cho cơ sở không đăng ký ngành nghề kinh doanh theo Giấy phép kinh doanh số 45D8014378 ngày 19/03/2018 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	22.360.000		0	0	0	0	0	22.360.000		
12	Kinh phí cho thuê căn tin		10.579.848	0	10.579.848	0	0	0	0	0		
12.1		Chi trả tiền đóng phục, trang phục giáo viên để phục vụ công tác giảng dạy tại Khoa 1, Điều 5 Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Chính phủ quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục, thể thao	9.900.000		9.900.000	0	0	0	0	0		
12.2		Chi trả tiền quản lý căn tin (3%) cho Học trường, kế toán, thủ quỹ không quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ là không đúng theo khoản 2, Điều 11 Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung về cơ chế tự chi tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức kết giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	679.848		679.848	0	0	0	0	0		
III	KINH PHÍ NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		160.020.737	0	0	0	0	0	0	105.466.925		
I	Học phí 2 buổi		104.358.750		0	0	50.150.612	0	0	54.208.138		
1.1		Chi trả tiền thêm giờ cho giáo viên dạy hai buổi chưa được tính mức theo quy định điểm c, khoản 1, Điều 4 Thông tư liên tịch số 07/2013/TT-LT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập dẫn đến thanh toán thừa và thiếu cho giáo viên	91.599.686		0		37.391.548	0	0	54.208.138		- Lý do không thu hồi: thực tế đơn vị chỉ cho các giáo viên thấp hơn mức quy định. - Xem theo chi tiết phụ lục 05
1.2		Thanh toán thừa giờ vượt định mức thời gian làm thêm giờ trong năm học của giáo viên theo quy định tại khoản 2, Điều 107 Luật lao động năm 2019; khoản 8 Điều 3 Thông tư liên tịch số 07/2013/TT-LT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.	4.693.906		0		4.693.906	0	0	0		Kiểm theo chi tiết phụ lục 05
1.3		Chi trả 02 lần tiền thu lao quản lý thu cho bà Nguyễn Thị Hoa Khuynh	1.877.544				1.877.544	0	0	0		
1.4		Không có chứng từ	292.614				292.614	0	0	0		
1.5		Không thực hiện nhập quỹ đối với các khoản thu hồi tạm ứng	5.895.000				5.895.000	0	0	0		
2	Số tiền học phí		17.811.250		0		0	0	0	17.811.250		



STT	Cơ quan/tổ chức/Đơn vị có nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị thu hồi				Tổng giá trị	Chi chủ			
			Về ngân sách nhà nước		Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)				Xuất toán	Xử lý khác (chấn chỉnh trong công tác)	
			Tiền (đồng)	Nhà, đất (m2)	Tiền (đồng)	Đất (m <sup>2</sup> )				Tiền (đồng)	Đất (m <sup>2</sup> )
2.1		Chi trả tiền thù lao quản lý thu không có Quyết định phân công nhiệm vụ, không quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ	17.811.250	0	0	0	0	17.811.250	Lý do không thu hồi vì thực tế đơn vị có chi cho các đối tượng quản lý thu (hiệu trưởng, kế toán, thủ quỹ, người thu)		
3	Bảo hiểm thân thể		14.341.983	0	0	0	0	14.341.983	Lý do không thu hồi vì thực tế đơn vị có chi cho các đối tượng quản lý thu (hiệu trưởng, kế toán, thủ quỹ, người thu)		
3.1		Chi trả tiền thù lao quản lý thu không có Quyết định phân công nhiệm vụ, không quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ	14.341.983	0	0	0	0	14.341.983			
4	Bảo hiểm y tế		10.413.204	0	0	0	0	10.413.204	Lý do không thu hồi vì thực tế đơn vị có chi cho các đối tượng quản lý thu (hiệu trưởng, kế toán, thủ quỹ, người thu)		
4.1		Chi trả tiền thù lao quản lý thu không có Quyết định phân công nhiệm vụ, không quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ	10.413.204	0	0	0	0	10.413.204			
5	Vệ sinh	Chi không có chứng từ	4.403.200	0	0	4.403.200	0	0			
5.1		Sử dụng nguồn kinh phí vệ sinh để chi quét dọn nhà vệ sinh giáo viên	729.000	0	0	729.000	0	0			
5.2		Thanh toán, sử dụng hoá đơn điện tử không hợp lệ	2.000.000	0	0	2.000.000	0	0			
5.3			1.674.200	0	0	1.674.200	0	0			
6	Đông phục		8.692.350	0	0	0	0	8.692.350	Kèm theo chỉ tiết phụ lục 03		
6.4		Chi trả tiền thù lao quản lý thu không có Quyết định phân công nhiệm vụ	8.692.350	0	0	0	0	8.692.350	Lý do không thu hồi vì thực tế đơn vị có chi cho các đối tượng quản lý thu		

Người lập biểu  
  
 Dương Thành Duy